

Phụ lục 1**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số / QĐ-UBND ngày / / 2026
của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH				
1	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	Môi trường	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Khoản 1, Điều 37, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP	Môi trường	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Nông nghiệp và Môi trường

3	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn	- Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Điều 12, 14, 15, 16, 17 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường - Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Môi trường	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Môi trường	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	1) Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 12, 13 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (3) Điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
6	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)

7	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Điều 52 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 48 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
8	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Điều 66 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 71, 72 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
9	Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Điều 71 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 86 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
10	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Điều 74 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)

11	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1) Điều 144 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
12	Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư	(1) Điều 126 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; (2) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và Khoáng sản	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
13	Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017	Thu thập thông tin, dữ liệu TN&MT	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
14	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	- Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; - Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)

		năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
15	Thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	- Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; - Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
16	Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao, 4 sao.	Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023, Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
17	Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia.	Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023, Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	UBND thành phố (Sở Nông nghiệp và môi trường)
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ				
1	Phê duyệt PABVMT cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình	- Điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường	- Khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Khoản 6 Điều 28 Nghị định 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 36 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã

		6 năm 2025 của Chính phủ - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ		
3	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường	- Khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. - Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
4	Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải	- Điểm a Khoản 2, khoản 3 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường - Điều 72, Điều 73, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Khoản 8 Điều 28 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
5	Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngày sau khi sự cố xảy ra theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ - Nghị định 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Tiếp nhận đăng ký môi trường của các dự án, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp quy định tại	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ - Nghị định 131/NĐ-CP ngày	Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã

	khoản 1 Điều 26 Nghị định 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		
--	---	--	--	--